

# TÁC ĐỘNG VÀ HỆ QUẢ KINH TẾ CỦA XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG Ở CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN CHÂU Á

NGUYỄN HỒNG THU<sup>(\*)</sup>

*Hiện tổng số lao động di cư ở 6 nước châu Á đến hơn 100 triệu người. Trong hơn hai thập kỷ gần đây, tổng số lao động di cư đã tăng 6%/năm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, gấp trên 2 lần tốc độ tăng của lực lượng lao động tại các quốc gia có lao động di cư. Di cư lao động của châu Á tăng mạnh trong thập niên đầu thế kỷ XXI phản ánh những thay đổi về nhân khẩu học và sự hội nhập sâu rộng của các nước châu Á. Bài viết này đi sâu vào đánh giá tác động và hệ quả kinh tế của xuất khẩu lao động ở các nước đang phát triển châu Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI, từ đó rút ra một số gợi ý cho Việt Nam.*

## I. Tác động kinh tế của xuất khẩu lao động

### 1. Giải quyết số lao động dư thừa, và giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp

Mặc dù khu vực châu Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao song vẫn không tạo thêm đủ việc làm mới, trong khi đó lực lượng lao động vẫn không ngừng gia tăng. Trước tình hình đó, các nước châu Á đã có những chính sách, chiến lược khuyến khích xuất khẩu lao động và đã tạo ra những làn sóng di cư lao động quốc tế tăng mạnh trong thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, nhờ vậy mà đã giúp giải quyết được phần nào những lao động dư thừa, giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp ở trong nước và khu vực.

Trường hợp Philippines cho thấy, đến nay xuất khẩu lao động đã trở nên quá quan trọng đối với nước này bởi mỗi năm việc xuất khẩu lao động đã giải quyết việc làm cho hàng trăm ngàn lao động dư thừa ở trong nước. Nếu không có xuất khẩu lao động thì cứ bốn người

Philippines sẽ có một người rơi vào cảnh thất nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo đói sẽ càng gia tăng (1, tr.77).

### 2. Tiên gửi về góp phần xoá đói giảm nghèo

Lao động di cư châu Á chủ yếu là lao động tạm thời, do vậy họ luôn giữ mối quan hệ khăng khít với gia đình ở nước xuất xứ, họ thường xuyên gửi tiền về để giúp đỡ gia đình và người thân. Số tiền gửi về nước cho phép các gia đình có người đi xuất khẩu lao động có mức sống tốt hơn, trẻ em được đi học và có điều kiện chăm sóc sức khoẻ tốt hơn, có cơ hội tích lũy của cải, đầu tư nhà cửa hay kinh doanh nhỏ và giúp một phần xã hội có thể gia nhập tầng lớp trung lưu. Với những nước xuất khẩu lao động, tác động của xuất khẩu lao động tới việc giảm nghèo là rất tích cực, nó là công cụ hiệu quả nhất trong cuộc chiến

---

<sup>(\*)</sup> ThS., Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới.

xoá nghèo của các nước đang phát triển. Theo Dilip Ratha, chuyên gia kinh tế cao cấp của Ngân hàng Thế giới (WB): “Gần một tỷ người, tức cứ sáu người thì có một người có thể được nhận hỗ trợ từ hình thức này. Một tỷ lệ cực lớn” (2). Nhờ sự hỗ trợ của những người xuất khẩu lao động như vậy mà tỷ lệ xoá nghèo ở các nước đang phát triển đã giảm đi.

Ví dụ chỉ tiêu cho giáo dục của các hộ gia đình ở Philippines có người lao động di cư ra nước ngoài đã tăng gấp đôi so với mức chỉ tiêu của các gia đình không nhận được tiền gửi về từ nước ngoài. Mức thu nhập hàng năm của họ cũng tăng nhanh hơn, trung bình 6%/năm, cho phép các hộ nghèo thoát khỏi cảnh nghèo.

### *3. Tăng nguồn thu ngoại tệ và tăng trưởng kinh tế*

Tiền gửi về cũng là nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế. Tại một số nước, tiền gửi về chiếm tỷ trọng đáng kể trong nguồn thu ngoại tệ, góp phần tạo nguồn vốn đầu tư phát triển và thường lớn hơn so với nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Đây được coi là lợi ích chủ yếu mà các nước xuất khẩu lao động nhận được. Không như viện trợ nước ngoài, tiền gửi về được phân chia đồng đều, ổn định và được đưa đến đúng địa chỉ hơn cho mục tiêu phát triển kinh tế nói chung.

Tiền gửi về châu Á có tốc độ gia tăng mạnh khi bước sang thế kỷ XXI. Nguyên nhân của sự tăng nhanh liên tục dòng tiền gửi về ngoài yếu tố do số lao động di cư tăng mạnh thì dòng tiền gửi về qua kênh chính thức ngày càng được sử dụng nhiều hơn. Tính trung bình tiền gửi về chiếm 2% GDP và 15% xuất khẩu của châu Á. Tiền gửi về có vai trò hết sức quan trọng trong tăng trưởng GDP ở các nước như

Afghanistan, Armenia, Nepal, Sri Lanka, Tajikistan, Bangladesh, Philippines và Việt Nam. Thậm chí ở Tajikistan con số này chiếm tới 1/2 GDP. Số ngoại tệ này còn lớn hơn mức xuất khẩu trà ở Sri Lanka, chiếm hơn 1/2 xuất khẩu ở Bangladesh.

Ở Philippines, công nhân hải ngoại thậm chí trở thành trụ cột của kinh tế quốc gia. Năm 2005, có đến 9 triệu người Philippines làm việc ở nước ngoài và mỗi ngày có hơn 3.100 người rời nước đi lao động. Công nhân Philippines gửi về nước hơn 10,7 tỷ USD, tương đương 12% GDP. Tổng thống Gloria Macapagal Arroyo gọi họ là “trụ cột của lực lượng lao động thế giới mới” và “nguồn xuất khẩu lớn nhất của chúng ta” (2).

Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua, khi luồng tài chính đổ vào các nước đang phát triển giảm sút nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển kinh tế của châu Á thì lượng tiền gửi về từ lao động di cư vẫn đảm bảo nguồn tài chính tương đối vững chắc hơn. Mặc dù nhiều người lo ngại rằng những dòng tiền từ kiều hối có thể suy giảm, nhưng theo báo cáo của WB công bố thì chúng vẫn duy trì ổn định, tăng trưởng với con số ấn tượng là 15% trong năm 2008.

Năm 2008, Ấn Độ là nước nhận được tiền gửi về không chỉ đứng đầu châu Á mà còn đứng đầu thế giới với tổng lượng kiều hối tăng mạnh từ 37,2 tỷ lên 51,6 tỷ USD. Lượng kiều hối của Ấn Độ tăng liên tục trong suốt 4 năm qua với mức tăng trung bình là 29%. Trung Quốc là nước đứng thứ 2 ở châu Á với số tiền gửi về là 48,5 tỷ USD. Tiếp theo là Philippines với 18,6 tỷ USD. Việt Nam cũng đứng ở vị trí cao tại châu Á trong số các nước nhận kiều hối, cả từ Việt kiều lẫn lao động Việt Nam ở nước ngoài, với 7,2 tỷ USD (3).

#### 4. Nâng cao trình độ cho lực lượng lao động và sự tuần hoàn chất xám

Ra nước ngoài làm việc yêu cầu người lao động phải có kỹ năng nghề nghiệp và trình độ ngoại ngữ nhất định theo yêu cầu của bên tuyển dụng. Kỳ vọng ra nước ngoài học tập, nghiên cứu, làm ăn sẽ thúc đẩy bản thân họ tích cực trau dồi thêm trình độ, tay nghề, và do đó ảnh hưởng tốt cho xã hội và kinh tế của nước họ. Ảnh hưởng này thường được gọi là hiệu ứng “thu thêm chất xám”. Ví dụ như: chính giấc mơ sang Mỹ làm việc ở thung lũng Silicon đã thúc đẩy giới trẻ Ấn Độ đi vào tin học, đưa đến sự phát triển công nghiệp phần mềm ở quốc gia này.

Như vậy, cơ hội di cư ra nước ngoài sẽ tăng thêm động lực đầu tư vào giáo dục, điều này rõ ràng có lợi cho xã hội. Theo một số nghiên cứu gần đây cho thấy, hiệu ứng này khá lớn cho những quốc gia đông dân (như Trung Quốc và Ấn Độ) và tương đối không quá nghèo. Ngoài ra, cũng thấy rằng các thể chế và chính sách trong một nước cũng có thể bị ảnh hưởng bởi sự kiện là người dân có thể ra nước ngoài lao động, sinh sống, chẳng hạn như nhà nước phải nghĩ đến những biện pháp để giữ lại những người có tài.

Hơn nữa, trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động được làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến sẽ tiếp nhận được những kiến thức và kinh nghiệm quý báu từ môi trường làm việc và xã hội của nước họ đến, như trình độ tay nghề và kỹ năng nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, phong cách làm việc hiện đại, lối sống văn minh, trình độ ngoại ngữ ngày càng được nâng cao. Những yếu tố này sẽ có tác động tích cực cho nền kinh tế nước xuất xứ khi họ quay trở về làm việc ở quê nhà.

Ấn Độ là một điển hình rõ nét về sự tuần hoàn chất xám. Trước đây, những lao động di cư có trình độ thường không quay trở về nước, song từ những năm 1990, tình hình bắt đầu thay đổi. Nền kinh tế Ấn Độ ngày càng gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế thế giới. Điều đó đã làm cho số người Ấn Độ làm việc ở nước ngoài quay trở về nước gia tăng. Mặt khác, những người lao động Ấn Độ có trình độ cao ở lứa tuổi trung niên lại có xu hướng ra nước ngoài làm việc, bởi sau khi đã tích lũy được kinh nghiệm làm việc ở Ấn Độ, họ lại muốn ra nước ngoài làm việc để có cơ hội kiếm được thu nhập cao và điều kiện sống tốt hơn.

Một số người ra nước ngoài học tập và làm việc được tiếp tục đào tạo với sự tài trợ của nước tiếp nhận. Như vậy, nước có lao động di cư giảm thiểu được chi phí đào tạo họ. Nếu những lao động này quay trở về quê hương làm việc, đất nước của họ sẽ nhận được nguồn vốn con người tốt hơn. Hơn nữa, nhiều người lao động di cư là do không tìm được việc làm ở trong nước, do đó sự ra đi của họ không phải là sự mất mát đối với nền kinh tế quốc gia trong tình hình lúc đó. Ví dụ, Chính phủ Philippines tiếp tục ủng hộ chương trình hợp đồng có thời hạn giúp các nhà chuyên môn có trình độ cao tìm kiếm việc làm ở nước ngoài. Tuy nhiên, điều này sẽ làm tổn hại tiềm năng phát triển tương lai của đất nước.

Bên cạnh sự di cư đi của những người lao động có trình độ đôi khi lại được điều hoà bằng sự di cư đến của những người lao động như thế từ các nước khác (hiệu ứng domino). Chính thông qua “tuần hoàn chất xám” mà các hệ thống giáo dục và khoa học quốc gia có khả năng đánh giá hiệu quả hoạt động của mình, giúp nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trong nước.

### 5. Di cư gắn kết với chuyển giao công nghệ, đầu tư

Ở một mức độ nào đó, di cư lao động gắn kết với chuyển giao công nghệ và đầu tư. Các yếu tố phi vật thể (tri thức, kỹ năng, trình độ nghề nghiệp, kinh nghiệm tổ chức, quản lý) bắt đầu đóng vai trò ngày càng to lớn trong việc giữ vững năng lực cạnh tranh quốc gia, còn trong trao đổi kinh tế thế giới – đó là các hình thức phi vật thể của việc chuyển giao công nghệ (giao tiếp qua các mạng điện tử - thư điện tử, fax, Internet, cũng như việc huấn luyện, giúp đỡ kỹ thuật, hội thảo khoa học, gặp gỡ, trao đổi khoa học, tư vấn, thuyết giảng). Ở các nước phát triển, họ coi việc đào tạo sinh viên nước ngoài, phát biểu tại các hội nghị quốc tế trên lãnh thổ của mình là “xuất khẩu công nghệ”.

Sự tăng cường hợp tác khoa học – kỹ thuật quốc tế cũng rất đáng quan tâm. Sự chuyển giao công nghệ và tri thức từ những kiều dân ở thung lũng Silicon đóng vai trò quan trọng nhất trong việc thành lập ngành công nghiệp công nghệ thông tin liên lạc ở vùng Bangalor (Ấn Độ) và các công ty công nghệ ở Đài Loan và Trung Quốc.

Không chỉ là chuyển giao công nghệ, những người di cư cũng thúc đẩy các nguồn đầu tư về trong nước. Gần 70% khối lượng đầu tư trực tiếp vào Trung Quốc có nguồn gốc từ cộng đồng người Trung Quốc sống ở nước ngoài, phần lớn là ở Đông Nam Á (4).

## II. Hệ quả kinh tế của xuất khẩu lao động

### 1. Chảy máu chất xám làm giảm lực lượng lao động có trình độ tay nghề và lãng phí chi phí đào tạo

Mặc dù đa số lao động di cư là lao động phổ thông, song cũng có không ít trong số đó là những lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề cao. Với mức

thu nhập hấp dẫn ở nước ngoài cao hơn gấp nhiều lần ở trong nước, những lao động này thường ở lại nước ngoài làm việc dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám, làm giảm lực lượng lao động có trình độ và tay nghề cao ở trong nước và gây ra tổn thất về chi phí đào tạo của nước xuất khẩu lao động. Đôi khi tình trạng này còn dẫn đến sự lãng phí về năng lực của người lao động, lãng phí công sức, chi phí đào tạo nếu họ không làm việc đúng trình độ và chuyên môn của họ. Nhiều người trong số họ đảm nhiệm những vị trí quan trọng khó có thể thay thế, nên sự di cư của họ không chỉ đem đi chất xám là kỹ năng và tri thức, tài sản cá nhân mà thậm chí cả những bí mật quốc gia.

Kinh nghiệm của Philippines cho thấy, do việc xuất khẩu lao động ô ạt kể cả những người có chuyên môn và công nhân kỹ thuật cao như kỹ sư, phi công, bác sỹ, y tá và giáo viên, số này năm 2002 chiếm tới 35% số người đi xuất khẩu lao động, nên hiện nay Philippines đang phải đối mặt với nạn thiếu hụt trầm trọng nhân lực bậc cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Nhiều bệnh viện ở Philippines không có đủ bác sỹ để hoạt động. Ngoài ra, vấn đề không chỉ ở sự thiếu hụt mà còn ở sự lãng phí thời gian và chi phí đào tạo. Hiện ở Philippines đang diễn ra hiện tượng đào tạo ngược, do một số khá lớn các bác sỹ người Philippines bị hấp dẫn bởi mức lương cao ở nước ngoài đã sẵn sàng đi đào tạo trở lại làm y tá, hoặc những người có học vấn hoặc địa vị nghề nghiệp cao ở trong nước nhưng lại ra nước ngoài làm nghề giúp việc nhà.

Thời gian gần đây, Trung Quốc là nước chịu ảnh hưởng xấu nhất từ “chảy máu chất xám”. Theo đánh giá của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, ở Bắc Kinh, bắt đầu từ những năm

1980, gần 2/3 số thanh niên ra nước ngoài học tập đều không có ý định quay trở về nước. Đây là một trong những chỉ số cao nhất thế giới. Từ năm 2002, hàng năm có hơn 100 nghìn sinh viên Trung Quốc ra nước ngoài học tập nhưng chỉ có 20-30 nghìn trong số đó quay trở về đất nước.

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), năm 2006, Iran là nước có tỷ lệ “chảy máu chất xám” cao nhất. Số lượng những người Iran trẻ tuổi có học vấn ra nước ngoài làm việc tăng 2,5 lần trong thời gian 2005-2007. Họ chủ yếu di cư đến Canada và Australia.

### *2. Chỉ giải quyết vấn đề thất nghiệp tạm thời*

Ngày càng có nhiều nền kinh tế đang phát triển châu Á lệ thuộc vào chính sách xuất khẩu lao động nhằm giải quyết nạn thất nghiệp trong nước, song đây chưa phải là chính sách tối ưu dài hạn, vì di chuyển lao động thường chỉ giúp giải quyết vấn đề thất nghiệp tạm thời ở trong nước. Trên thực tế, câu đối với lao động nước ngoài chỉ tập trung cao ở hai lĩnh vực chính là công nghệ cao hoặc các ngành sản xuất – dịch vụ giản đơn nên người lao động không phải lúc nào cũng phát huy được kỹ năng học được ở nước ngoài khi về nước, do chúng hoặc chỉ thích hợp với trình độ công nghệ cao hoặc không có gì mới hơn so với trước khi họ rời khỏi đất nước. Vì vậy nhiều người đi lao động ở nước ngoài về không kiếm được việc làm ở trong nước, dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao.

Thực tế này cũng cho thấy các nước xuất khẩu nhiều lao động có xu hướng lệ thuộc hơn vào nước nhập khẩu lao động. Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua cho thấy, các nước xuất khẩu lao động đang lâm vào thế kẹt trước hai làn sóng: một là số lao

động hồi hương từ những nền kinh tế bị tác động của khủng hoảng; hai là số người rơi vào cảnh nghèo đói, thất nghiệp và muốn ra nước ngoài kiếm việc làm. Trước tình hình như vậy, nhiều quốc gia đã phải tìm mọi cách ngăn chặn dòng lao động nhập cư nhằm giữ việc làm cho lao động trong nước. Điều này đã dẫn đến việc xuất hiện chủ nghĩa bảo hộ mới – “bảo hộ con người”. Đây là một đặc điểm nổi bật cho thấy dấu hiệu về sự kết thúc của một kỷ nguyên toàn cầu hoá về dòng chảy tự do hàng hoá, dịch vụ, tiền vốn, và lao động từ cuối những năm 1970.

### *3. Những khó khăn của người lao động di cư*

*Ở trong nước.* Trong xã hội châu Á, gia đình có vai trò rất quan trọng. Gia đình được xem là sức mạnh, là chỗ dựa cho mỗi thành viên. Do đó, việc thiếu vắng những thành viên trụ cột như người cha hoặc người mẹ đã gây ra những tác động tiêu cực trong xã hội như con cái thiếu sự dạy dỗ của người cha, thiếu sự chăm sóc của người mẹ, tỷ lệ ly hôn tăng cao do vợ chồng sống xa cách. Ngoài ra, còn có tâm trạng bất an của những người trong gia đình có người đi lao động ở nước ngoài vì lo lắng cho sức khoẻ, sự an toàn của người thân,...

*Ở nước ngoài.* Lao động di cư ra nước ngoài dễ bị tổn thương về tinh thần trước một môi trường và hoàn cảnh sống xa lạ. Thêm vào đó là công việc vất vả, sống xa gia đình, thiếu chỗ dựa về tinh thần, những trục trặc về thủ tục, luật pháp, ngôn ngữ,... thường dẫn đến sức khoẻ sút kém, căng thẳng, bất an về tinh thần, cảm giác cô đơn lo âu, mất thăng bằng về tình cảm.

Lao động nhập cư luôn bị phân biệt đối xử so với lao động bản xứ, nhất là lao động kỹ năng thấp, những người thường phải làm các loại công việc “khó

khẩn, nguy hiểm, dơ bẩn” với mức lương thấp mà người lao động bản xứ ít khi chấp nhận. Đối với lao động nhập cư bất hợp pháp, thì mọi việc còn khó khăn hơn. Để tránh mạng lưới luật pháp của nước sở tại, họ phải chấp nhận các điều kiện bất lợi mà bên tuyển dụng đề ra, bị ức hiếp, chèn ép về nhiều mặt. Từ hoàn cảnh đó, nhiều lao động nhập cư đã vướng vào con đường phạm pháp gây ra nhiều bất ổn xã hội ở nước sở tại. Trong số lao động di cư, số lao động nữ thường gặp nhiều khó khăn hơn lao động nam. Họ phải chấp nhận những việc làm mà người lao động bản xứ không muốn làm; họ là đối tượng bị lạm dụng, bị bóc lột nhiều hơn và thường không được bảo hiểm.

Người lao động ở nước sở tại thường có thái độ tiêu cực đối với người lao động nhập cư, vì họ cho rằng “người nhập cư đã cướp việc làm của người sở tại”. Hiện tượng di cư hàng loạt đến các nước trong và ngoài khu vực châu Á trong thời gian qua đã làm dấy lên một làn sóng phản đối từ phía người lao động sở tại, đặc biệt là trong bối cảnh thất nghiệp tăng cao do khủng hoảng tài chính toàn cầu vừa qua. Không chỉ về vấn đề việc làm, những người ở nước sở tại còn cho rằng, lao động nhập cư – nhất là những lao động có trình độ, tay nghề thấp và nhập cư bất hợp pháp – nhận được nhiều phúc lợi xã hội và được sử dụng những dịch vụ công nhiều hơn những gì họ chi trả qua các khoản thuế.

Tất cả những điều này đã dẫn đến những vụ xung đột gia tăng giữa người nhập cư và người ở nước sở tại, gây ra sự kỳ thị căng thẳng trong xã hội, thậm chí dẫn đến sự căng thẳng trong quan hệ ngoại giao giữa các nước với nhau.

### **Kết luận**

Trong tình hình hiện nay, do tác động của khủng hoảng tài chính toàn

cầu nên xu hướng di cư lao động sẽ chững lại. Nhưng nhìn chung xu hướng di cư lao động vẫn sẽ tiếp tục tăng ở cả trong và ngoài châu Á vì: *Thứ nhất*, toàn cầu hoá làm cho chênh lệch thu nhập giữa các nước ngày càng gia tăng, trong khi mức độ liên kết thị trường lao động ngày càng chặt chẽ trong khu vực và trên thế giới. Đây là nhân tố chính thúc đẩy sự di chuyển lao động từ nước có thu nhập thấp tới nước có thu nhập cao hơn. *Thứ hai* do nhân tố nhân khẩu. Sự bất cân xứng rất lớn về mặt kinh tế và nhân khẩu đã khiến tình trạng di cư có xu hướng lan rộng khắp toàn cầu. Dự đoán đến năm 2050, dân số toàn cầu sẽ tăng từ 6,555 tỷ người lên 9,243 tỷ người. Trong đó, dân số các nước phát triển được cho là sẽ tăng từ 1,216 tỷ lên 1,261 tỷ người, tăng thêm chỉ khoảng 45 triệu người. Ngược lại, dân số ở các nước đang phát triển sẽ tăng từ 5,339 tỷ lên 7,982 tỷ người, số người tăng thêm sẽ là 2,643 tỷ (4). Với nguồn lao động dồi dào như vậy, xu hướng di cư lao động của các nước đang phát triển châu Á gia tăng là đương nhiên. *Thứ ba* do biến đổi khí hậu, châu Á là khu vực có nền kinh tế nông nghiệp, lại đang phải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của việc biến đổi khí hậu toàn cầu. Những cơn lũ lụt, giông bão, khô hạn và sa mạc hoá, nước biển dâng và mặn hoá nước ngầm ngày càng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp châu Á, buộc những người sản xuất nông nghiệp phải di cư để lánh nạn và kiếm sống. Khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu là Nam Á và Đông Nam Á.

Hệ quả từ các nhân tố “đẩy” và “kéo” về mặt nhân khẩu, kinh tế và xã hội, biến đổi khí hậu như trên nên thế kỷ XXI được coi là “kỷ nguyên di cư”. Châu Á với nguồn lao động dồi dào vẫn sẽ là nơi cung cấp lao động chính trên

thị trường lao động thế giới. Mặc dù xuất khẩu lao động đã mang về cho nước chủ nhà nhiều tác động kinh tế tích cực song như đã trình bày ở trên, hiện vẫn còn rất nhiều vấn đề tồn tại cần khắc phục và giải quyết. Để xuất khẩu lao động của các nước đang phát triển châu Á có hiệu quả, trước hết các nước này phải cải thiện hệ thống quản lý di cư, có sự liên kết, hợp tác chặt chẽ để nắm bắt được các thông tin về cung cầu lao động trên thị trường quốc tế. Thứ hai, tăng cường đầu tư vào phát triển giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực xuất khẩu cho phù hợp với xu hướng chung là sử dụng lao động có trình độ chuyên môn cao. Thứ ba, có chính sách trước và hậu di cư gắn bó với nhau để không quá lệ thuộc vào bên ngoài và ngăn ngừa nạn “chảy máu chất xám”. Thứ tư, thông qua các hiệp định song phương, như các hiệp định thương mại tự do (FTA) và bản ghi nhớ (MOU) - đây hiện là cách tốt nhất - để đảm bảo quyền cho người lao động di cư (lương, phúc lợi xã hội, bảo hiểm,...), giảm thiểu các chi phí (đào tạo, tuyển dụng, tiền gửi về,...).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hồng Bích (chủ biên). Xuất khẩu lao động của một số nước Đông Nam Á: Kinh nghiệm và bài học. H.: Khoa học xã hội, 2007.
2. Kiều hồi teo tốp. <http://www3.tuoitre.com.vn/tetonline2009/Index.aspx?ArticleID=305518&ChannelID=2>, ngày 11/3/2009.
3. World Bank. Migration and Remittance data. November 3, 2009.
4. Số liệu về dân số thế giới 2006. Washington, D.C.: Cục Quản lý các vấn đề dân số, 2006.
5. E. Kirichenko. Từ “chảy máu chất xám” đến “tuần hoàn chất xám” toàn cầu. *MEIMO*, 2008, No.10.
6. Graeme Hugo. Labour migration for Development: Best Practises in Asia and the Pacific. ILO, Working Paper No. 17, March 2009.
7. ILO. Global Employment Trends. January 2010.
8. Philip Martin. Migration in the Asia-Pacific Region: Trends, Factors, Impact. UNDP, Research Paper 2009/32. August 2009.
9. Shikha Jha, Guntur Sugiyarto and Carlos Vargas-Silva. The Global Crisis and the Impact on Remittances to Developing Asia. ADB Economics Working Paper Series No. 185, December 2009.
10. Paul J. Smith. Climate Change, Mass Migration and the Military Response. *Orbis* (A Journal of World Affairs), Vol. 51, No. 4, Fall 2007.
11. Peter Skerry. Facing Facts about Immigration. *The American Interest*, Vol. 4, No. 4, March-April 2009.
12. Nguyễn Hồng Thu. Tác động của khủng hoảng toàn cầu đối với thị trường lao động thế giới. *Tạp chí Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, số 5/2010.
13. Trần Hữu Dũng. Vài nhận xét mới về chảy máu chất xám. *Báo Tia sáng*, ngày 5/12/2005.
14. Nguyễn Mạnh Hùng. Tác động của di cư quốc tế và an ninh kinh tế quốc gia. *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế thế giới*, số 2 (94) 2004.
15. Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia. Về thị trường lao động khu vực châu Á – Thái Bình Dương. [www.ncseif.gov.vn](http://www.ncseif.gov.vn).